

THƯ MỜI QUAN TÂM

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán

Hiện nay Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá đang có nhu cầu tham khảo thông tin về các mặt hàng vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán (VTYT, HC, SPCĐ) để đầu thầu mua sắm phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh. Bệnh viện đề nghị các nhà cung cấp có quan tâm gửi thông tin về các mặt hàng VTYT, HC, SPCĐ đang kinh doanh cho bệnh viện (*tên thương mại hàng hoá, thông số kỹ thuật, đơn vị tính, quy cách đóng gói, xuất xứ, thông tin kê khai...*). Chi tiết danh mục hàng hoá mời quan tâm như trong phụ lục đính kèm.

Ngoài ra các nhà cung cấp có thể bổ sung thêm các mặt hàng đang kinh doanh phù hợp với nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện Ung bướu để bệnh viện tham khảo.

Cách thức nhận hồ sơ:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Ngõ 958, Quang Trung, Phường Đông vệ, TP. Thanh Hoá

- Nhận qua email: vinhggmm@gmail.com (bao gồm bản scan và file excel danh mục).

- Họ và tên người tiếp nhận: Lý Hoàng Vinh

- Số điện thoại liên hệ: 091.2164.899

Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trước 17h00 ngày 27/11/2023

Rất mong sự hồi đáp của các Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; KD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hưng

DANH MỤC

VTYT, HC, SPCĐ mời quan tâm tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá

(Kèm theo Thư mời ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá)

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
			DANH MỤC HCXN, SPCĐ	
1			Hoá chất, vật tư dùng cho Máy phân tích huyết học tự động ≥ 18 thông số, Model: MEK-6510K; Máy phân tích huyết học tự động ≥ 32 thông số, Model: MEK-9100, Xuất xứ Nihon Kohden/Nhật Bản) và tương đương	
	1	23UB.M1.1	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học 5 thành phần bạch cầu	ml
	2	23UB.M1.2	Dung dịch rửa đường dịch dùng cho máy phân tích huyết học	ml
	3	23UB.M1.3	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học 5 thành phần bạch cầu loại đậm đặc	ml
	4	23UB.M1.6	Hóa chất để nội kiểm mức thường cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	ml
	5	23UB.M1.7	Hóa chất để nội kiểm mức cao cho máy phân tích huyết học 5 thành phần bạch cầu	ml
	6	23UB.M1.8	Hóa chất để nội kiểm mức thấp cho máy phân tích huyết học 5 thành phần bạch cầu	ml
	7	23UB.M1.9	Hóa chất để nội kiểm mức thường cho máy phân tích huyết học 5 thành phần bạch cầu	ml
	8	23UB.M1.10	Hóa chất dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu	ml
	9	23UB.M1.11	Hóa chất dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	ml
	10	23UB.M1.12	Hóa chất dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu để đo Hemoglobin	ml
	11	23UB.M1.13	Hóa chất dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	ml
	12	23UB.M1.4	Hóa chất để nội kiểm mức cao cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	ml
	13	23UB.M1.5	Hóa chất để nội kiểm mức thấp cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	ml
2			Hoá chất, vật tư dùng cho Máy xét nghiệm huyết học RAYTO 7600. Model: RT-7600 (xuất xứ: Rayto/Trung Quốc) và tương đương	
	14	23UB.M2.1	Dung dịch hiệu chuẩn	ml
	15	23UB.M2.2	Dung dịch rửa đậm đặc	ml
	16	23UB.M2.3	Máu chuẩn dải cao	ml
	17	23UB.M2.4	Máu chuẩn dải thấp	ml
	18	23UB.M2.5	Máu chuẩn dải trung bình	ml
	19	23UB.M2.6	Hóa chất dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	ml

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
	20	23UB.M2.7	Dung dịch rửa ly giải hồng cầu đường dịch dùng cho máy phân tích huyết học	ml
	21	23UB.M2.8	Dung dịch rửa đường dịch dùng cho máy phân tích huyết học	ml
	22	23UB.M2.9	Phin lọc hemoglobin	Cái
3			HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO Máy xét nghiệm đông máu tự động - (Model: STA-SATELLITE MAX, Xuất xứ: Hãng Stago - Pháp) và tương đương	
	23	23UB.M5.1	Các huyết tương chứng cho xét nghiệm đông máu	ml
	24	23UB.M5.2	Cồng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy tự động	Cái
	25	23UB.M5.3	Cốc chiết hóa chất đông máu	Cái
	26	23UB.M5.4	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu	ml
	27	23UB.M5.5	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	ml
	28	23UB.M5.6	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động	ml
	29	23UB.M5.7	Hóa chất rửa máy hệ thống đông máu tự động	ml
	30	23UB.M5.8	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	ml
	31	23UB.M5.9	Hoá chất xét nghiệm prothrombin	ml
	32	23UB.M5.10	Hóa chất xác định thời gian hoạt hoá Thromboplastin từng phần (APTT)	ml
	33	23UB.M5.11	Hóa chất xác định thời gian Thrombin	ml
	34	23UB.M5.12	Huyết tương chứng cho xét nghiệm D Dimer	ml
	35	23UB.M5.13	Hóa chất xét nghiệm D Dimer	ml
4			Test thử nước tiểu sử dụng cho Máy xét nghiệm nước tiểu TC-720 plus (Xuất xứ: Teco Diagnostics/ Mỹ) và tương đương	
	36	23UB.M6.1	Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Test
5			Hoá chất, vật tư dùng cho Hệ thống xét nghiệm sinh hóa và miễn dịch tự động Cobas C501 (xuất xứ: Hitachi High-Technologies Corporation, Hãng chủ sở hữu: Roche/Nhật Bản) và tương đương	
	37	23UB.M3.56	Bóng đèn halogen	Cái
			HÓA CHẤT DÙNG CHUNG	
6	38	23UB.HC DC.13	Khoanh giấy kháng sinh Colistin sulphate 10µg	Khoanh
7	39	23UB.HC DC.29	Khoanh giấy kháng sinh Meropenem 10µg	Khoanh

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
8	40	23UB.HC DC.36	Khoanh giấy kháng sinh Ticarcillin + Clavulanic acid TTC, 85ug	Khoanh
9	41	23UB.HC DC.54	Môi trường nuôi cấy cơ bản	gam
10	42	23UB.HC DC.20	Môi trường thạch Schapman	đĩa
11	43	23UB.HC DC.39	Bộ nhuộm Gram	ml
12	44	23UB.HC DC.42	Dầu khoáng	ml
13	45	23UB.HC DC.44	Thanh định danh tụ cầu khuẩn	thanh
14	46	23UB.HC DC.55	Môi trường thạch dùng để phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng di động	ống
15	47	23UB.HC DC.56	Môi trường sử dụng để định danh Enterobacteriaceae	ống
16	48	23UB.HC DC.62	Dầu soi kính hiển vi	ml
17	49	23UB.HC DC.68	Môi trường phát hiện nhanh sự hiện diện của vi khuẩn H. pylori	ống
18	50	23UB.HC DC.51	Môi trường thạch máu	gam
19	51	23UB.HC DC.52	Môi trường canh thang	gam
20	52	23UB.HC DC.63	Dầu Parafin	ml
21	53	23UB.HC DC.70	Hoá chất H ₂ O ₂ cho máy tiệt trùng Plasma	ml
22	54	23UB.HC DC.71	Vôi soda	Kg
23	55	23UB.HC DC.72	Bột Cloramin B	Kg
24	56	23UB.HC DC.73	Cồn tuyệt đối	ml
25	57	23UB.HC DC.74	Yếu tố tìm RH trong máu	ml

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

26	58	24.UBVT. 1	Bông không thấm nước	Kg
27	59	24.UBVT. 2	Tăm bông vô trùng	Cái
28	60	24.UBVT. 3	Xà phòng rửa tay sát khuẩn 4%	Lít
29	61	24.UBVT. 4	Gel sát khuẩn tay	Lít
30	62	24.UBVT. 5	Dung dịch sát khuẩn tay	Lít
31	63	24.UBVT. 6	Chế phẩm sát khuẩn tay phẫu thuật	Lít

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
32	64	24.UBVT.7	Dung dịch khử khuẩn phun bề mặt	Lít
33	65	24.UBVT.8	Viên sát khuẩn	viên
34	66	24.UBVT.9	Dây Garô (Dây thắt mạch)	Cái
35	67	24.UBVT.10	Băng dính lụa 1,25cmx9,1m	Cuộn
36	68	24.UBVT.11	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng	Miếng
37	69	24.UBVT.12	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp, tiệt trùng	Miếng
38	70	24.UBVT.13	Bộ bơm tiêm 150ml dùng cho máy bơm tiêm cân quang	Cái
39	71	24.UBVT.14	Bộ bơm tiêm cân từ	Cái
40	72	24.UBVT.15	Bộ bơm tiêm 200ml cho máy bơm tiêm cân quang trong chụp CT	Cái
41	73	24.UBVT.16	Bơm cho ăn 50ml	cái
42	74	24.UBVT.17	Bơm tiêm 3ml	cái
43	75	24.UBVT.18	Kim chọc dò và gây tê tuỷ sống	cái
44	76	24.UBVT.19	Kim sinh thiết bán tự động các cỡ	Cái
45	77	24.UBVT.20	Kim sinh thiết xương	Cái
46	78	24.UBVT.21	Dây truyền dịch có van lọc khí truyền hóa chất	Bộ
47	79	24.UBVT.22	Dây truyền máu	Cái
48	80	24.UBVT.23	Khóa ba chạc có dây	cái
49	81	24.UBVT.24	Khóa ba chạc không dây	cái
50	82	24.UBVT.25	Găng tay không bột	Cái
51	83	24.UBVT.26	Khuôn đúc mẫu bệnh phẩm	Chiếc
52	84	24.UBVT.27	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm	cái
53	85	24.UBVT.28	Ống nghiệm lấy máu Sodium Citrate 3.8% nắp nhựa	Cái
54	86	24.UBVT.29	Ống nghiệm lấy máu Plain nắp nhựa	Cái
55	87	24.UBVT.30	Ống nghiệm Serum	Cái
56	88	24.UBVT.31	Ống nghiệm máu thủy tinh 12mm x 80mm	Cái

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
57	89	24.UBVT. 32	Ống nghiệp nước tiểu thủy tinh 16mm x 100mm	Cái
58	90	24.UBVT. 33	Đĩa petri nhựa 90mm	Cái
59	91	24.UBVT. 34	Canuyn nhựa có chế độ hãm miệng	Cái
60	92	24.UBVT. 35	Canuyn mở khí quản các số	cái
61	93	24.UBVT. 36	Ống đặt nội khí quản có bóng	cái
62	94	24.UBVT. 37	Thông tiểu 2 nhánh	cái
63	95	24.UBVT. 38	Bình dẫn lưu kín vết mổ 200ml, 400ml	cái
64	96	24.UBVT. 39	Ống dẫn lưu màng phổi	Cái
65	97	24.UBVT. 40	Dây hút dịch phẫu thuật	Cái
66	98	24.UBVT. 41	Đầu nối thẳng dẫn lưu	Cái
67	99	24.UBVT. 42	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Cái
68	100	24.UBVT. 43	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Cái
69	101	24.UBVT. 44	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	cái
70	102	24.UBVT. 45	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	cái
71	103	24.UBVT. 46	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	cái
72	104	24.UBVT. 47	Ống thông (catheter) chụp mạch ngoại biên	cái
73	105	24.UBVT. 48	Vi dây dẫn đường can thiệp	cái
74	106	24.UBVT. 49	Vi dây dẫn can thiệp mạch bụng, có lõi đầu xa dẹt	cái
75	107	24.UBVT. 50	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	cái
76	108	24.UBVT. 51	Vi ống thông can thiệp mạch ngoại biên	cái
77	109	24.UBVT. 52	Vi ống thông can thiệp gan, mạch máu tạng và ngoại biên dùng cho các mạch máu chọn lọc	cái
78	110	24.UBVT. 53	Catheter siêu nhỏ dạng ái nước	cái
79	111	24.UBVT. 54	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên	cái
80	112	24.UBVT. 55	Vi ống thông kèm vi dây dẫn	cái
81	113	24.UBVT. 56	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu	cái

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
82	114	24.UBVT. 57	Vi ống thông dùng cho mạch ngoại vi và mạch tạng	cái
83	115	24.UBVT. 58	Kim khâu tam giác các cỡ	cái
84	116	24.UBVT. 59	Chỉ không tiêu Nylon số 2/0	Sợi
85	117	24.UBVT. 60	Chỉ không tiêu Nylon số 4/0	Sợi
86	118	24.UBVT. 61	Chỉ không tiêu Nylon số 5/0	Sợi
87	119	24.UBVT. 62	Chỉ không tiêu Nylon số 6/0	Sợi
88	120	24.UBVT. 63	Chỉ tơ phẫu thuật	Cuộn
89	121	24.UBVT. 64	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 1/0	Sợi
90	122	24.UBVT. 65	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 1/0	Sợi
91	123	24.UBVT. 66	Chỉ tan nhanh tổng hợp sợi bền số 2/0	Sợi
92	124	24.UBVT. 67	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0	Sợi
93	125	24.UBVT. 68	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 3/0	Sợi
94	126	24.UBVT. 69	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 3/0	Sợi
95	127	24.UBVT. 70	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 4/0	Sợi
96	128	24.UBVT. 71	Chỉ tan nhanh tổng hợp sợi bền số 4/0	Sợi
97	129	24.UBVT. 72	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 5/0	Sợi
98	130	24.UBVT. 73	Chỉ tan nhanh tổng hợp sợi bền số 5/0	Sợi
99	131	24.UBVT. 74	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 6/0	Sợi
100	132	24.UBVT. 75	Tay dao mổ điện dùng 1 lần	Cái
101	133	24.UBVT. 76	Tay dao hàn mạch kèm cắt dùng cho mổ mở, 21 cm	Cái
102	134	24.UBVT. 77	Tay dao hàn mạch máu dùng cho mổ mở, hàm phủ nano	Cái
103	135	24.UBVT. 78	Tay dao hàn mạch máu dùng cho mổ nội soi, hàm phủ nano	Cái
104	136	24.UBVT. 79	Dao siêu âm dùng cho mổ mở	Cái
105	137	24.UBVT. 80	Dao siêu âm dùng cho mổ nội soi	Cái
106	138	24.UBVT. 81	Tay dao siêu âm không dây	Cái

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
107	139	24.UBVT.82	Pin dao siêu âm	Cái
108	140	24.UBVT.83	Bộ phát năng lượng dao siêu âm	Cái
109	141	24.UBVT.84	Sạc pin dao mổ siêu âm	Cái
110	142	24.UBVT.85	Khay lắp pin	Cái
111	143	24.UBVT.86	Lưỡi dao cắt tiêu bản	cái
112	144	24.UBVT.87	Lưỡi dao mổ tiết trùng	cái
113	145	24.UBVT.88	Stent đường mật đường mật đường kính 8 - 10mm, loại không phù, bán phù và phù toàn phần.	cái
114	146	24.UBVT.89	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	cái
115	147	24.UBVT.90	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	cái
116	148	24.UBVT.91	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	cái
117	149	24.UBVT.92	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước	cái
118	150	24.UBVT.93	Vật liệu nút mạch PVA	lọ
119	151	24.UBVT.94	Hạt vi cầu nút mạch vĩnh viễn	Ống
120	152	24.UBVT.95	Hạt nút mạch hình cầu dạng pha chứa trong bơm tiêm	Lọ
121	153	24.UBVT.96	Vật liệu nút mạch dạng hình cầu pha sẵn	Lọ
122	154	24.UBVT.97	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan	Ống
123	155	24.UBVT.98	Hạt nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan	Lọ
124	156	24.UBVT.99	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan	Lọ
125	157	24.UBVT.100	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch máu khóa Interlock.	Cái
126	158	24.UBVT.101	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch	Cái
127	159	24.UBVT.102	Phim X-quang khô y tế 20x25cm	Tờ
128	160	24.UBVT.103	Phim X-quang khô y tế 25x30cm	Tờ
129	161	24.UBVT.104	Phim X-quang khô y tế 35x43cm	Tờ
130	162	24.UBVT.105	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa nội soi	Cái
131	163	24.UBVT.106	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô mạch máu và mô mỏng, chiều dài 45mm	Cái

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
132	164	24.UBVT.107	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/ dày, chiều dài 60mm	Cái
133	165	24.UBVT.108	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/ dày, chiều dài 45mm	Cái
134	166	24.UBVT.109	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mổ mở 3 hàng ghim	Cái
135	167	24.UBVT.110	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa có 3 hàng ghim chiều cao thay đổi mỗi bên	Cái
136	168	24.UBVT.111	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mổ mở	Cái
137	169	24.UBVT.112	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mổ mở	Cái
138	170	24.UBVT.113	Dụng cụ (máy) khâu cắt tự động mổ mở các cỡ	Cái
139	171	24.UBVT.114	Băng (đạn), ghim khâu cắt mổ mở các cỡ	Cái
140	172	24.UBVT.115	Dụng cụ khâu nối tròn tiêu hóa các cỡ, có 3 hàng ghim chiều cao thay đổi	Cái
141	173	24.UBVT.116	Dụng cụ cắt khâu nối tiêu hóa tự động tròn	Cái
142	174	24.UBVT.117	Dụng cụ (máy) khâu nối ống tiêu hóa tròn, sử dụng 1 lần cỡ 29mm, loại có đầu đe nghiêng sau khi đóng mô.	Cái
143	175	24.UBVT.118	Dụng cụ (máy) khâu nối ống tiêu hóa tự động tròn sử dụng 1 lần cỡ 32mm, loại có đầu đe nghiêng sau khi đóng mô.	Cái
144	176	24.UBVT.119	Lưới điều trị thoát vị	Miếng
145	177	24.UBVT.120	Túi Camera tiết trùng	Cái
146	178	24.UBVT.121	Kim đốt sóng cao tần đầu đốt cố định	cái
147	179	24.UBVT.122	Kim đốt sóng cao tần đa cực	cái
148	180	24.UBVT.123	Kim đốt sóng cao tần thay đổi chiều dài đầu hoạt động	cái
149	181	24.UBVT.124	Buồng tiêm truyền cấy dưới da	Bộ
150	182	24.UBVT.125	Kim buồng tiêm truyền	Cái
151	183	24.UBVT.126	Đầu côn có lọc 10ul	Cái
152	184	24.UBVT.127	Đầu côn có lọc 20ul	Cái
153	185	24.UBVT.128	Đầu côn có lọc 100ul	
154	186	24.UBVT.129	Đầu côn có lọc 200ul	Cái
155	187	24.UBVT.130	Đầu côn có lọc 1000ul	Cái
156	188	24.UBVT.131	Đầu côn xanh	Cái

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dự kiến	Đơn vị tính
157	189	24.UBVT. 132	Đầu côn vàng	Cái
158	190	24.UBVT. 133	Que đê lưới gỗ	cái
159	191	24.UBVT. 134	Điện cực tim	Cái
160	192	24.UBVT. 135	Tấm điện cực trung tính	cái
161	193	24.UBVT. 136	Clip kẹp mạch máu polymer các cỡ	Cái
162	194	24.UBVT. 137	Clip kẹp mạch máu Titanium các cỡ	Cái
163	195	24.UBVT. 138	Mask thở oxy	cái
164	196	24.UBVT. 139	Filter lọc khuẩn và làm ẩm cho người lớn	Cái
165	197	24.UBVT. 140	Bao cao su	Cái
166	198	24.UBVT. 141	Giấy điện tim 6 cần	Tập
167	199	24.UBVT. 142	Giấy in nhiệt siêu âm	Cuộn
168	200	24.UBVT. 143	Lam kính	cái
169	201	24.UBVT. 144	Lam kính mài	cái
170	202	24.UBVT. 145	Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh, kích thước 22x40mm	cái
171	203	24.UBVT. 146	Lam kính tĩnh điện dương	cái
172	204	24.UBVT. 147	Mũ phẫu thuật	cái
173	205	24.UBVT. 148	Que lấy dịch tỵ hầu	Cái
174	206	24.UBVT. 149	Giấy lọc	tờ
175	207	24.UBVT. 150	Bút mỡ	Cái
176	208	24.UBVT. 151	Mô vệt nhựa khám phụ khoa	Cái
177	209	24.UBVT. 152	Ống li tâm 1,5ml	ống
178	210	24.UBVT. 153	Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt	Cuộn
179	211	24.UBVT. 154	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học 150mmX70m	Cuộn
180	212	24.UBVT. 155	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học 350mmX70m	Cuộn
181	213	24.UBVT. 156	Bao đo huyết áp	Cái



